

UBND QUẬN GÒ VẤP TRƯỜNG THCS AN NHƠN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề gồm có 07 trang)	ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 - MÔN TOÁN - LỚP 8 Ngày kiểm tra: Thứ Sáu, ngày 21/01/2022 Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề) (Học sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm Toán 8)
---	--

MÃ ĐỀ BÀI T804

Câu 1. Điền vào chỗ trống đơn thức còn thiếu $(x + 4)^2 = x^2 + \dots\dots\dots + 16$

- A. $4x$ B. x . C. $8x$ D. $2x$

Câu 2. Khẳng định nào sau đây là SAI.

- A. Trong hình thoi hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
 B. Trong hình thoi hai đường chéo vuông góc với nhau.
 C. Trong hình thoi hai đường chéo là các tia phân giác của các góc của hình thoi.
 D. Trong hình thoi hai đường chéo bằng nhau.

Câu 3. Điền vào chỗ trống (.....).

“Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là”

- A. Hình thang cân. B. Hình thoi. C. Hình chữ nhật. D. Hình vuông.

Câu 4. Khẳng định nào sau đây ĐÚNG.

- A. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.
 B. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.
 C. Tứ giác có bốn góc bằng nhau là hình vuông.
 D. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông.

Câu 5. Rút gọn phân thức $\frac{3(x-3)}{9(x-3)^3}$ có kết quả là:

- A. $\frac{1}{3(x-3)^2}$ B. $\frac{3}{9(x-3)^2}$ C. $\frac{x-3}{3(x-3)^3}$ D. $\frac{1}{3(x-3)}$

Câu 6. Phân tích đa thức $3x^3 + 15x$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $3(x^3 + 5x)$ B. $x(3x^2 + 15)$ C. $3x(x^2 + 5)$ D. $3x(x + 5)$

Câu 7. Khẳng định nào sau đây SAI.

- A. Trong hình bình hành các cạnh đối bằng nhau.
 B. Trong hình bình hành các góc đối bằng nhau.
 C. Trong hình bình hành hai đường chéo bằng nhau.
 D. Trong hình bình hành, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 8. Chọn câu SAI.

- A. $(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$ B. $A^2 - B^2 = (A - B)^2$
 C. $A^2 - B^2 = (A - B)(A + B)$ D. $(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$

Câu 9. Tứ giác nào sau đây có hai đường chéo bằng nhau?

- A. Hình chữ nhật B. Hình bình hành C. Hình thang vuông D. Hình thoi

Câu 10. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Hình bình hành có là hình chữ nhật.”

- A. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
- B. Hai cạnh đối song song và bằng nhau.
- C. Một góc vuông.
- D. Có hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 11. Phân tích đa thức $2x(x-5)+5(x-5)$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x+5)(2x+5)$
- B. $(x+5)(2x-5)$
- C. $(x-5)(2x-5)$
- D. $(x-5)(2x+5)$

Câu 12. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ (.....). “Hình thang cân là hình thang có.....”

- A. hai góc đối bằng nhau.
- B. hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
- C. hai góc kề một đáy bằng nhau.
- D. hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 13. Kết quả của phép tính $\frac{5x}{5x-3} - \frac{3}{5x-3}$ bằng:

- A. $\frac{2x}{5x-3}$
- B. -1
- C. $\frac{2}{5x-3}$
- D. 1

Câu 14. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{3(x+2)}$ và $\frac{7}{5(x-3)}$ là:

- A. $15(2x-1)$
- B. $15(x+2)(x-3)$
- C. $8x-9$
- D. $8(x+2)(x-3)$

Câu 15. Phân tích đa thức $x^3 - 6x^2 + 12x - 8$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x-2)^3$
- B. $x^3 - 2^3$
- C. $x^3 + 2^3$
- D. $(x+2)^3$

Câu 16. Kết quả của phép tính $\frac{2x}{2x-3} + \frac{3}{2x-3}$ bằng:

- A. -1
- B. $\frac{2x+3}{2x-3}$
- C. $\frac{5x}{2x-3}$
- D. 1

Câu 17. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

“Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng”

- A. Nửa cạnh góc vuông.
- B. Cạnh huyền.
- C. Nửa cạnh huyền.
- D. Hai lần cạnh huyền.

Câu 18. Điền vào chỗ (.....). “Tổng các góc của một tứ giác bằng”

- A. 270°
- B. 300°
- C. 360°
- D. 180°

Câu 19. “Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức là biến đổi các phân thức đã cho thành những phân thức mới có cùng và lần lượt bằng các phân thức đã cho.”. Cụm từ thích hợp điền vào chỗ (.....) là:

- A. Nhân tử phụ.
- B. Phân biến.
- C. Hệ số.
- D. Mẫu thức.

Câu 20. Điền cặp từ thích hợp vào chỗ trống (.....): “Đường trung bình của hình thang thì với hai đáy và tổng hai đáy.”

- A. Vuông góc, bằng nửa.
- B. Vuông góc, bằng.
- C. Song song, bằng nửa.
- D. Song song, bằng.

Câu 21. Kết quả của phép tính nhân : $3x(x-2)$ là:

- A. $3x-6$
- B. $3x^2-6x$
- C. $3x^2-5$
- D. $3x^2-2x$

Câu 22. Kết quả của phép chia $18x^3y^4z^2 : 6x^2y^4z$ là:

- A. $3xyz$ B. $3x^2y^2z$ C. $3xz$ D. $3xy$

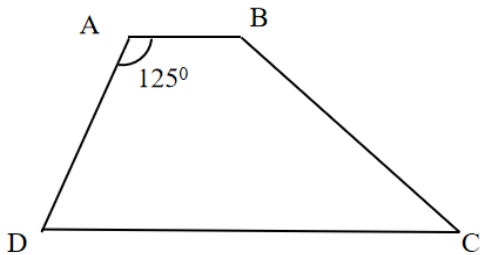
Câu 23. Trong các hình sau, hình nào là đa giác đều:

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình thang cân D. Hình thoi

Câu 24. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Đường trung bình của tam giác là

- A. Đoạn thẳng có độ dài bằng nửa độ dài một cạnh của tam giác.
B. Đoạn thẳng song song với một cạnh của tam giác.
C. Đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.
D. Đoạn thẳng nối từ đỉnh của tam giác đến trung điểm của cạnh đối diện.

Câu 25. Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$), biết $\widehat{DAB} = 125^\circ$, số đo $\widehat{ADC}$ bằng:



- A. 75° B. 55° C. 65° D. 125°

Câu 26. Phân tích đa thức sau thành nhân tử: $x^3 + 2x^2y + xy^2$

- A. $x^2(x+y)^2$ B. $x(x+y)^2$ C. $x(x-y)^2$ D. $x^2(x+2y+y^2)$

Câu 27. Kết quả của phép tính $\frac{x}{x^2-4} + \frac{2}{x^2-4}$ bằng:

- A. $\frac{2x}{x^2-4}$ B. $\frac{x+2}{x-2}$ C. $\frac{1}{x+2}$ D. $\frac{1}{x-2}$

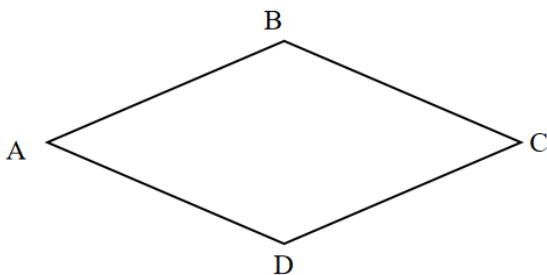
Câu 28. Chọn câu đúng:

- A. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a - 1$ B. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a + 1$
C. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a + 1$ D. $(2a-1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a - 1$

Câu 29. Phân thức rút gọn của $\frac{3x-6}{x^3-8}$ là:

- A. $\frac{3}{x^2-4x+4}$ B. $\frac{3}{x^2+2x+4}$ C. $\frac{3}{x^2-2x+4}$ D. $\frac{3}{x^2+4x+4}$

Câu 30. Hình thoi ABCD cần thêm điều kiện nào để là hình vuông?



- A. AC vuông góc với BD B. $\hat{A} = 90^\circ$
C. $AB = AD$ D. AC là tia phân giác góc DAB

Câu 31. Kết quả của phép chia $(8x^3 - 1) : (2x - 1)$ là:

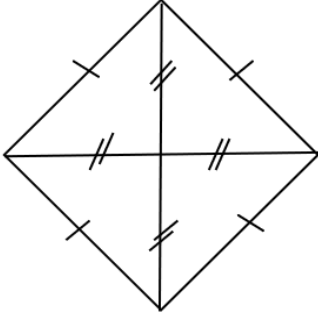
A. $2x^2 - 2x + 1$

B. $4x^2 - 2x + 1$

C. $4x^2 + 2x + 1$

D. $2x^2 + 2x + 1$

Câu 32. Tứ giác (như hình vẽ) là hình vuông dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



A. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.

C. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.

D. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 33. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{2x+6}$ và $\frac{7}{x^2-9}$ là:

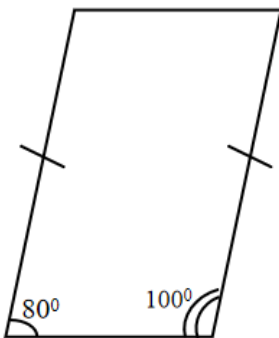
A. $(x+3)(x^2-9)$

B. $2(x+3)(x-3)$

C. $2(x+3)(x-9)$

D. $2x(x^2-9)$

Câu 34. Tứ giác (như hình vẽ) là hình bình hành dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



A. Tứ giác có các cạnh đối song song.

B. Tứ giác có hai cạnh đối bằng nhau.

C. Tứ giác có hai góc kề một đáy bù nhau.

D. Tứ giác có hai cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau.

Câu 35. Kết quả của phép tính $\frac{5}{4xy^2} + \frac{3}{2x^3y}$ bằng:

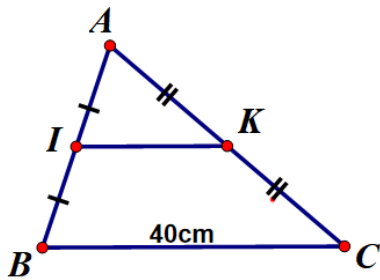
A. $\frac{5+6y}{4x^3y^2}$

B. $\frac{8}{4x^3y^2}$

C. $\frac{5x+6y}{4x^3y^2}$

D. $\frac{5x^2+6y}{4x^3y^2}$

Câu 36. Cho hình vẽ sau, biết độ dài BC bằng 40 cm, độ dài IK bằng

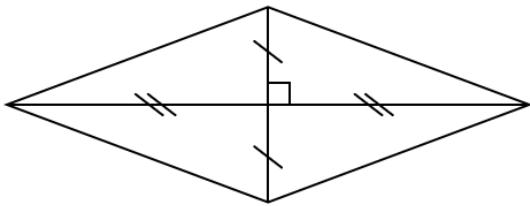


- A. 20cm B. 80cm C. 10cm D. 40 cm

Câu 37. Tìm x, biết $2x^2 - 8x = 0$

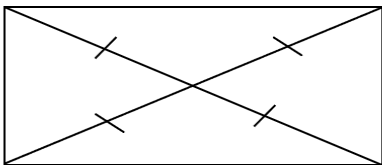
- A. $x = 0$ B. $x = 0$ hay $x = 4$ C. $x = 4$ D. $x = 0$ hay $x = -4$

Câu 38. Tứ giác (như hình vẽ) là hình thoi dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



- A. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau.
B. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
C. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau.
D. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.

Câu 39. Tứ giác (như hình vẽ) là hình chữ nhật dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



- A. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường
B. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau
C. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau
D. Hình bình hành có một góc vuông

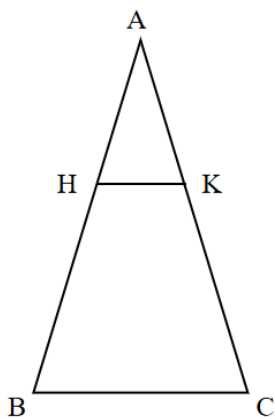
Câu 40. Kết quả của phép tính $\frac{x-2}{x-y} + \frac{y-2}{y-x}$ bằng

- A. $\frac{x+y-4}{x-y}$ B. $\frac{x+y}{x-y}$ C. -1 D. 1

Câu 41. Giá trị của biểu thức $P = (2x - 3)(2x + 3) - 3x^2$ tại $x = 4$ là:

- A. 9 B. 7 C. 4 D. 16

Câu 42. Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi H, K theo thứ tự là điểm thuộc cạnh bên AB, AC sao cho $HK \parallel BC$. Với đầy đủ điều kiện trên, hãy chọn câu trả lời chính xác nhất.



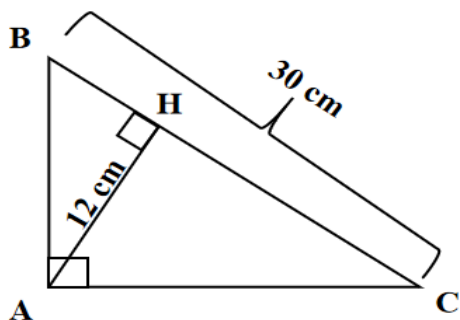
A. Tứ giác BCKH là hình thang.

B. Tứ giác BCKH là hình thang cân.

C. Tứ giác BCKH là hình bình hành.

D. Tứ giác BCKH là hình thoi.

Câu 43. Cho hình vẽ, diện tích của tam giác ABC bằng:



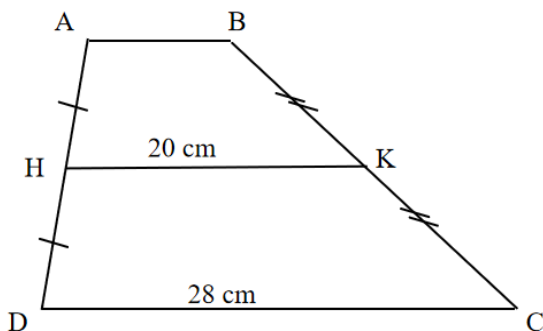
A. 120cm^2

B. 180cm^2

C. 200cm^2

D. 360cm^2

Câu 44. Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) như hình vẽ, biết độ dài HK bằng 20 cm, độ dài DC bằng 28 cm. Độ dài AB bằng:



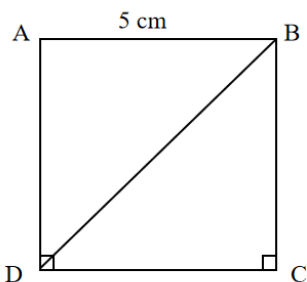
A. 14 cm

B. 8 cm

C. 12 cm

D. 10 cm

Câu 45. Cho hình vuông ABCD (như hình vẽ), biết độ dài cạnh hình vuông bằng 5 cm, độ dài đường chéo BD bằng:



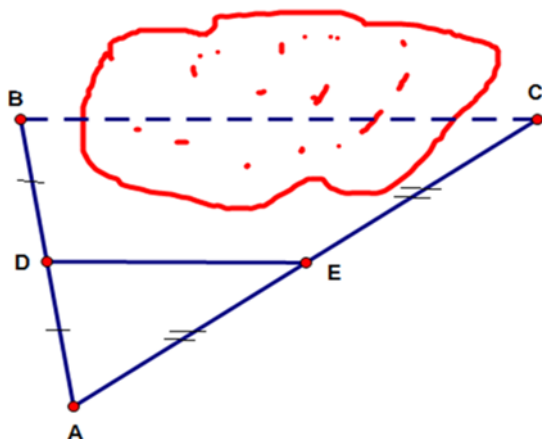
A. 20cm

B. $\sqrt{50}\text{cm}$

C. 25cm

D. 10cm

Câu 46. Giữa hai điểm B và C có chướng ngại vật. Biết D, E lần lượt là trung điểm của AB và AC (xem hình vẽ). Bạn An đi từ D đến E với vận tốc 80 m/phút trong thời gian 2 phút. Hỏi hai điểm B và C cách nhau bao nhiêu mét?



- A. 160m B. 40m C. 80m D. 320m

Câu 47. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là $x(m)$, ($x > 0$), chiều dài hơn chiều rộng 12m. Biểu thức tính diện tích của khu vườn hình chữ nhật theo x là:

- A. $x^2 - 12x(m^2)$ B. $12x(m^2)$ C. $12x^2(m^2)$ D. $x^2 + 12x(m^2)$

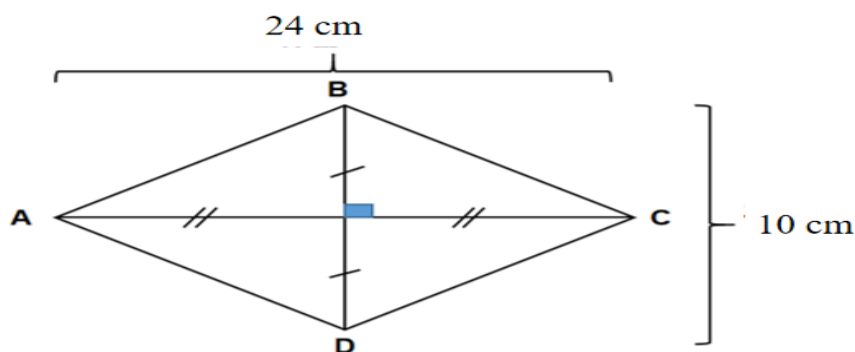
Câu 48. Một hình chữ nhật có hai kích thước lần lượt là $(x - 3)(m)$ và $(x + 3)(m)$, ($x > 3$). Biết diện tích của hình chữ nhật là $16(m^2)$. Giá trị của x là:

- A. 25 B. 5 C. -5 D. 5 và -5

Câu 49. Một khinh khí cầu bay với vận tốc $(x+8)(km/h)$ được quãng đường là $(x^2 + 5x - 24)(km)$. Thời gian khinh khí cầu bay được là:

- A. $x + 8(h)$ B. $x + 3(h)$ C. $x - 8(h)$ D. $x - 3(h)$

Câu 50. Một viên gạch men có dạng hình thoi (như hình vẽ), biết độ dài hai đường chéo AC bằng 24cm và BD bằng 10cm. Độ dài cạnh của viên gạch men hình thoi bằng:



- A. 13 cm. B. 34 cm. C. 17 cm. D. 26 cm.

----- HẾT -----